

Số: 2112/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2024-2025

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ văn bản số 15777/BTC-TCDT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Căn cứ văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân 40 tỉnh;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tổng cục Dự trữ Nhà nước xuất cấp (không thu tiền) 37.379.521,2 kg gạo từ nguồn dự trữ quốc gia giao cho các địa phương theo danh sách tại Phụ lục đính kèm Quyết định này để hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

**Điều 2.** Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm:

1. Căn cứ số lượng gạo dự trữ quốc gia tại thời điểm xuất cấp và kế hoạch tiếp nhận gạo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức giao, nhận gạo tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo kế hoạch phân bổ của Ủy ban nhân dân các tỉnh. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp địa phương điều chỉnh đề xuất số lượng gạo tiếp nhận trong học kỳ I thấp hơn số gạo Bộ Tài chính đã quyết định, thì cấp theo số lượng gạo đề nghị của địa phương; trường hợp địa phương đề xuất điều chỉnh số lượng gạo tiếp nhận trong học kỳ I cao hơn số gạo Bộ Tài chính đã quyết định, thì cấp theo số lượng

Bộ Tài chính đã quyết định và tổng hợp đề nghị bổ sung của địa phương, trình Bộ Tài chính xem xét xử lý theo quy định.

2. Tổ chức giao, nhận gạo dự trữ quốc gia bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, đảm bảo việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng gạo hỗ trợ đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ của năm học, không để thất thoát, tiêu cực trong quá trình tiếp nhận, phân phối, sử dụng gạo.

2. Chỉ đạo các đơn vị tiếp nhận gạo của địa phương vận chuyển gạo dự trữ quốc gia từ trung tâm huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đến các trường học hoặc địa điểm thích hợp để cấp phát cho các đối tượng theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, căn cứ đề xuất sử dụng gạo dự trữ quốc gia để cấp cho địa phương thực hiện chính sách và báo cáo kết quả tiếp nhận gạo theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT (2b), TCĐT (55b).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Cận

## Phụ lục

## XUẤT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 212/QĐ-BTC ngày 09/9/2024 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Lượng (kg)

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số học sinh	Số gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ I
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>541.501</b>	<b>37.379.521,2</b>
1	Điện Biên	57.639	4.259.307,7
2	Lai Châu	26.756	1.991.471
3	Sơn La	56.482	3.797.242
4	Hòa Bình	14.850	1.051.920
5	Hà Giang	68.858	4.066.013
6	Lào Cai	37.373	2.802.975
7	Yên Bái	26.579	1.564.953
8	Tuyên Quang	15.000	900.000
9	Phú Thọ	4.888	288.960
10	Bắc Giang	3.200	192.000
11	Lạng Sơn	24.685	1.851.090
12	Bắc Kạn	14.096	1.049.714,5
13	Cao Bằng	37.000	2.775.000
14	Thái Nguyên	3.100	186.000
15	Quảng Ninh	397	16.125
16	Thanh Hóa	9.977	748.275
17	Nghệ An	26.009	1.553.195
18	Quảng Trị	7.172	424.965
19	Quảng Bình	3.557	213.420
20	Thừa Thiên Huế	307	18.045
21	Quảng Nam	15.898	1.183.860
22	Quảng Ngãi	15.640	1.171.260
23	Bình Định	1.552	91.365
24	Ninh Thuận	3.400	255.000

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số học sinh	Số gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ I
25	Bình Thuận	90	6.750
26	Phú Yên	700	42.000
27	Khánh Hòa	1.394	104.550
28	Gia Lai	10.171	762.825
29	Kon Tum	15.571	1.165.890
30	Lâm Đồng	2.020	151.500
31	Đắk Lắk	15.000	1.109.565
32	Đắk Nông	11.370	852.750
33	Bình Phước	2.100	157.500
34	Trà Vinh	271	20.325
35	Bến Tre	1.307	98.025
36	Vĩnh Long	183	10.980
37	Cà Mau	190	11.400
38	Sóc Trăng	4.708	282.480
39	Kiên Giang	1.961	147.075
40	Hậu Giang	50	3.750

**Ghi chú:** Đối với 151.500 kg gạo hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2024-2025 cho tỉnh Lâm Đồng, không bao gồm 360 kg gạo tỉnh đề nghị bổ sung cho năm học 2023-2024 (lý do theo quy định tại điểm b mục 5 Văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính, việc xuất cấp bổ sung (nếu có) chỉ phát sinh trong năm học, đối với đề nghị xuất cấp bổ sung gạo của tỉnh Lâm Đồng khi năm học cũ 2023-2024 đã kết thúc, Bộ Tài chính không có cơ sở đề xuất cấp).